

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **42** /2018/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 20 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 263/TTr-SNV ngày 16 tháng 11 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2018 và thay thế Quyết định số 2247/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế tham gia các khối thi đua của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã,

phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- TT Tỉnh ủy;
- TT Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH đơn vị tỉnh;
- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh (t/h);
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Ban TĐKT tỉnh;
- TT huyện ủy, thành ủy;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh.
- Lưu: VT, NCKSTT (Lưu, Thuyên)._{HL}

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thái Hải

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND

ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về một số nội dung cơ bản trong quản lý công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn gồm: Tổ chức thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; tổ chức bình xét, thẩm định, hiệp y khen thưởng; quản lý, sử dụng quỹ thi đua khen thưởng.

2. Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và những nội dung liên quan khác không quy định tại văn bản này thì thực hiện theo Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật của các cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tập thể, cá nhân trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh; tổ chức, cá nhân, gia đình trong và ngoài tỉnh; tổ chức, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài; tổ chức quốc tế làm việc tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ sau được hiểu:

1. Thành tích xuất sắc là thành tích mà tập thể, cá nhân đạt được ở mức độ cao hơn, có tính vượt trội trong công tác hoặc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nhiệm vụ được giao, được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

2. Thành tích xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất mà tập thể, cá nhân đạt được ở mức độ xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc đạt các giải cấp toàn quốc, đạt các giải nhất, nhì, ba cấp khu vực (gồm nhiều tỉnh trong khu vực, vùng miền) trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn, hội thao...

3. Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực (khu vực Đông-Nam Á, Châu lục) hoặc thế giới công nhận.

4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng được gọi chung cho cả hồ sơ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; hồ sơ đề nghị khen thưởng chuyên đề bao gồm cả hồ sơ đề nghị khen thưởng trong các phong trào thi đua (một chuyên đề hoặc đợt thi đua) và khen thưởng theo lĩnh vực.

5. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ xác định thành tích trước khi xem xét quyết định khen thưởng.

6. Thẩm định hồ sơ là việc kiểm tra lại tính chính xác của thành phần, số lượng hồ sơ và nội dung thành tích được nêu trong báo cáo thành tích để đảm bảo theo đúng quy định.

7. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan Đảng trực thuộc Tỉnh ủy, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, doanh nghiệp tham gia khối thi đua, các huyện, thành phố được gọi chung là “Cơ quan, đơn vị, địa phương”.

8. “Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương” bao gồm: Bí thư các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; Thủ trưởng các Ban xây dựng Đảng thuộc Tỉnh ủy, sở, ban ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; Giám đốc doanh nghiệp tham gia các khối thi đua của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

9. Tổ chức kinh tế bao gồm các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

10. Các Luật thi đua, khen thưởng năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 được gọi chung là “Luật thi đua, khen thưởng”.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua khen thưởng

Nguyên tắc thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Luật thi đua, khen thưởng năm 2003, khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ) và các quy định sau:

1. Khi xét khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước hằng năm cho tập thể và cá nhân là người đứng đầu cấp ủy (Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và Đảng bộ cấp xã), chính quyền (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn) ngoài tiêu chuẩn chung thì đơn vị, địa phương đó phải có kết quả xếp loại chỉ số cải cách hành chính của năm đạt từ loại khá trở lên mới được khen thưởng.

2. Đối với khen thưởng thành tích toàn diện (khen thưởng tổng kết năm thi đua), trong một năm không xét tặng đồng thời danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên cho cùng một đối tượng. Đối với khen thưởng chuyên đề, khen thưởng theo lĩnh vực trong một năm chỉ được xét tặng không quá hai hình thức khen thưởng cấp tỉnh cho cùng một đối tượng.

3. Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức đóng trên địa bàn tỉnh do Trung ương quản lý: Chỉ xét tặng Cờ thi đua, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể đơn vị được khởi thi đua suy tôn khi tổng kết thi đua hàng năm. Về khen thưởng thành tích trong các chuyên đề thi đua, khen thưởng theo lĩnh vực thực hiện theo hướng dẫn của UBND tỉnh về từng chuyên đề, lĩnh vực.

4. Đối với các chuyên đề (đợt) thi đua do các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phát động, do cơ quan phát động khen thưởng theo thẩm quyền. Chỉ khi có tập thể, cá nhân thật sự tiêu biểu xuất sắc mới đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tặng Bằng khen.

5. Không khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho các trường hợp sau:

a) Các tập thể có tổ chức đảng (Đảng bộ, Chi bộ) bị xếp loại dưới mức hoàn thành tốt nhiệm vụ (khen thành tích toàn diện theo từng năm).

b) Các trường hợp nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng chậm quá 30 ngày kể từ ngày tổ chức sơ kết, tổng kết hoặc kết thúc sự kiện.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA VÀ ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua

Thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và Điều 4, Điều 5 Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện phong trào thi đua

Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định 91/2017/NĐ - CP của Chính phủ.

Điều 7. Tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 10, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

a) Tiêu chuẩn: Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 23 của Luật thi đua, khen thưởng năm 2003, khoản 5, Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 và khoản 3, Điều 9 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Tỷ lệ xét tặng: Không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị, địa phương trong đó có ít nhất 50% là người lao động trực tiếp làm chuyên môn, nghiệp vụ hoặc trực tiếp lao động sản xuất. Trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương có số lượng người đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” dưới 07 người thì được xét 01 người.

c) Một số thành tích được thay thế cho tiêu chuẩn sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

- Cá nhân trực tiếp tham gia xây dựng Đề án đã được các cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, cấp huyện phê duyệt và đã đưa vào thực hiện.

- Cá nhân tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành và đưa vào áp dụng trong thực tế.

- Giáo viên các trường học trong năm đạt một trong các thành tích:

+ Giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện trở lên. Giáo viên trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên.

+ Giáo viên trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng được ít nhất 01 học sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi cấp tỉnh hoặc đạt giải toàn quốc. Giáo viên công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có học sinh đạt giải trong các kỳ thi cấp huyện trở lên.

+ Giáo viên là tác giả chính bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế.

- Giáo viên các trường chuyên nghiệp đạt một trong các thành tích:
- + Giáo viên là tác giả chính 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành.
- + Giáo viên tham gia biên soạn chương trình, tài liệu, giáo trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng trong giảng dạy tại nhà trường.

- Giáo viên thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp được áp dụng theo các quy định của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội (nếu có).

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 22 của Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 và khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 và khoản 1, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 8. Đối tượng, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua đối với tập thể

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

a) Đối tượng:

- Đối với các Ban đảng, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh:

- + Xét tặng cho tập thể là các phòng, ban trực thuộc sở, ngành và tương đương.

- + Đối với chi cục (tương đương), đơn vị sự nghiệp thuộc các sở ngành: Xét tặng cho các tập thể trực thuộc có từ 05 người trở lên; đối với chi cục và tương đương, đơn vị sự nghiệp chỉ có 01 tổ chức trực thuộc thì xét tặng cho chi cục (tương đương) hoặc đơn vị sự nghiệp.

- Đối với các huyện, thành phố: Xét tặng cho tập thể là phòng, ban và tương đương, đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện, thành phố quản lý; tập thể cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

- Đối với tổ chức kinh tế: Xét tặng cho các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế như xí nghiệp, phòng, phân xưởng...; Hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã năm 2012.

- b) Tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

a) Đối tượng: Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” thực hiện theo Điểm a, Khoản 1, Điều này.

b) Tiêu chuẩn: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Luật thi đua, khen thưởng năm 2003.

c) Quy định tỷ lệ xét tặng: Tỷ lệ tập thể được đề nghị “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 30% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn “Tập thể lao động tiên tiến” của cấp hoặc cơ quan trình khen thưởng (đối với những cơ quan đơn vị chỉ có 02 đơn vị trực thuộc trở xuống thì được xét tặng cho 01 tập thể. Đối với cấp huyện tỷ lệ này được áp dụng riêng đối với 03 nhóm các tập thể sau: Các xã, phường, thị trấn; các phòng ban, đơn vị thuộc huyện; các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo).

3. Danh hiệu “Cờ thi đua cấp tỉnh”

a) Đối tượng:

- Xét tặng cho tập thể là đơn vị thành viên thuộc cụm, khối thi đua của tỉnh hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức.

- Xét tặng cho tập thể tiêu biểu dẫn đầu các phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động hoặc các chuyên đề thi đua có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn trong tỉnh được đánh giá, bình xét, suy tôn khi sơ kết, tổng kết có thời gian từ 05 năm trở lên.

b) Tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 và Điều 12 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo Điều 25 của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, Khoản 7, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, Điều 11 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 9. Quy định về đánh giá công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua của cá nhân

1. Trách nhiệm xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ cùng các văn bản quy định chi tiết thi hành. Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét khen thưởng là chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

Cá nhân trực tiếp tham gia đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sáng kiến mà có nhiều người tham gia phải đạt tỷ lệ đóng góp từ 15% trở lên.

2. Sáng kiến để làm căn cứ xét khen thưởng phải là sáng kiến đã được áp dụng trong thực tiễn lao động, công tác, học tập đem lại hiệu quả; đối với đề tài nghiên cứu khoa học phải là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và đã được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao. Kết quả đề tài, sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 24 tháng, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” không quá 48 tháng, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” không quá 84 tháng tính từ thời điểm nghiệm thu đề tài hoặc công nhận sáng kiến đến thời điểm đề nghị xét khen thưởng. Thời gian áp dụng vào thực tế của đề tài khoa học ít nhất là được 06 tháng, của sáng kiến ít nhất là 03 tháng trước ngày đề nghị xét khen thưởng (một đề tài hoặc sáng kiến chỉ được tính để xét một lần danh hiệu thi đua của từng cấp).

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào kết quả đánh giá công nhận sáng kiến hoặc nghiệm thu đề tài và phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài, sáng kiến cùng thành tích đạt được của tập thể, cá nhân để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; chỉ đề nghị khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên đối với đề tài, sáng kiến được áp dụng hiệu quả và có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh hoặc toàn quốc.

4. Hội đồng Khoa học Công nghệ tỉnh có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của cá nhân đề nghị khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước.

Điều 10. Cơ sở xác định tập thể “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” để làm căn cứ xét khen thưởng

Tập thể được xác định “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” để xét khen thưởng phải đạt các tiêu chí: Hoàn thành 100% nhiệm vụ (công việc) được giao trong năm (theo kế hoạch công tác năm của cấp có thẩm quyền giao) vượt tiến độ và đạt hiệu quả cao; hoàn thành kịp thời, đảm bảo chất lượng các nhiệm vụ đột xuất; trong tập

thể phải có cá nhân được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có người không hoàn thành nhiệm vụ.

Chương III

TIÊU CHUẨN CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 11. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

Tiêu chuẩn xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (các loại Huân chương, Huy chương; danh hiệu vinh dự Nhà nước; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ) thực hiện theo các quy định của Luật thi đua, khen thưởng và của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 12. Tiêu chuẩn Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Tiêu chuẩn chung: gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

2. Tiêu chuẩn cụ thể:

a) Khen thưởng thành tích toàn diện (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được):

- Khen thưởng thành tích công tác năm cho các đơn vị được cụm, khối thi đua của tỉnh (hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thành lập) suy tôn có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thường xuyên hằng năm.

- Khen thưởng tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và khen thưởng công nhân, nông dân, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1; Điểm c, Khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Khen thưởng thành tích đột xuất:

Khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh. Cơ quan, đơn vị, địa phương có tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất có trách nhiệm lập báo cáo tóm tắt thành tích và đề nghị khen thưởng.

c) Khen thưởng thành tích khi tổ chức sơ kết, tổng kết các chuyên đề (đợt, giai đoạn) thi đua:

- Khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh phát động. Tiêu chuẩn khen thưởng theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh khi chỉ đạo sơ kết, tổng kết chuyên đề thi đua.

- Khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương phát động và ngành, địa phương hưởng ứng có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh. Cơ quan chủ trì triển khai chuyên đề có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hưởng ứng phong trào, kế hoạch sơ kết, tổng kết và phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn khen thưởng.

- Khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc được bình xét trong các chuyên đề hoặc đợt thi đua do ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Ủy ban nhân cấp huyện phát động. Cơ quan chủ trì phát động thi đua phải xây dựng kế hoạch tổ chức phong trào thi đua, kế hoạch tổng kết khi kết thúc chuyên đề hoặc đợt thi đua và xin ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương khen thưởng. Đối tượng, số lượng, tiêu chuẩn khen thưởng cấp tỉnh phải được đưa vào kế hoạch sau khi thống nhất với cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

d) Khen thưởng thành tích trên các lĩnh vực thuộc tỉnh:

- Khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được nhiều thành tích hoặc thành tích xuất sắc trên từng lĩnh vực có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh. Các cơ quan, đơn vị chủ trì (thường trực) theo dõi lĩnh vực phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn khen thưởng.

- Khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều thành tích, không vi phạm khuyết điểm trong công tác khi kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân các cấp; nhiệm kỳ các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh (đối với cá nhân là cán bộ bầu cử chỉ khen thưởng người không tái cử trong nhiệm kỳ mới). Các tổ chức khi chuẩn bị kết thúc nhiệm kỳ phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn khen thưởng.

- Khen thưởng tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc trong việc tham gia các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh do tỉnh tổ chức hoặc đăng cai tổ chức (như hội diễn, hội thi, lễ hội, hội thao, diễn tập phòng thủ...). Cơ quan thường trực tổ chức sự kiện phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn khen thưởng trước khi kết thúc sự kiện.

- Khen thưởng tập thể, cá nhân lập nhiều thành tích trong thi hành luật, pháp lệnh, chỉ thị, cuộc vận động... khi tinh tổ chức sơ kết, tổng kết theo chỉ đạo của cơ quan Trung ương có thẩm quyền. Cơ quan tham mưu tổ chức sự kiện phối hợp thống nhất với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - khen thưởng tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn khen thưởng.

đ) Khen thưởng gia đình: Khen thưởng cho gia đình có nhiều thành tích trong các phong trào thi đua hoặc có nhiều đóng góp về công sức, đất đai, tài sản cho địa phương, xã hội.

e) Khen thưởng đối ngoại: Khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức quốc tế làm việc tại Việt Nam có nhiều đóng góp cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội hoặc có nhiều thành tích trong các hoạt động xã hội từ thiện, nhân đạo trên địa bàn tỉnh.

g) Khen thưởng cho tập thể, cá nhân người ngoài tỉnh có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội hoặc các hoạt động từ thiện nhân đạo tại tỉnh.

h) Khen thưởng phục vụ các nhiệm vụ chính trị khác của tỉnh thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Giấy khen

Tiêu chuẩn tặng Giấy khen thực hiện theo quy định tại khoản 42, 43 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV

TỔ CHỨC BÌNH XÉT, THẨM ĐỊNH, HIỆP Y KHEN THƯỞNG

Điều 14. Quy trình bình xét khen thưởng

1. Tại các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Việc bình xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân được thực hiện từ cơ sở (các phòng, ban và tương đương đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và các huyện, thành phố; các khoa, phòng...thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập; trường học; xí nghiệp, phân xưởng thuộc các doanh nghiệp; các tổ chức thuộc cấp xã) phải có ít nhất 80% số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia họp xét. Tập thể, cá nhân đạt ít nhất 70% số người tham gia họp nhất trí tán thành (bỏ phiếu hoặc biểu quyết) mới được đề nghị khen thưởng. Cuộc họp bình xét phải được lập biên bản với đầy đủ nội dung liên quan và gửi cấp có thẩm quyền.

b) Trên cơ sở kết quả bình xét từ cơ sở, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng họp xem xét, bình chọn các tập thể, cá nhân có thành tích theo các tiêu chuẩn khen

thường. Cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị phải có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự. Tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn được đề nghị khen thưởng phải được các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bỏ phiếu và đạt số phiếu tán thành theo quy định (thành viên vắng mặt phải xin ý kiến bằng phiếu). Hội đồng lập biên bản kết quả cuộc họp bình xét trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Đối với các chuyên đề liên quan đến nhiều ngành có thành lập Ban chỉ đạo thì cơ quan thường trực chuyên đề (hoặc được giao chủ trì) phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xét duyệt và trình khen thưởng; đối với khen thưởng đột xuất, khen thưởng đối ngoại có thành tích công trạng rõ ràng, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tổ chức thẩm định hồ sơ trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

2. Tại cấp tỉnh (đối với hồ sơ trình khen cấp tỉnh, cấp nhà nước).

a) Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh, cấp nhà nước; làm thủ tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng (khen thưởng chuyên đề, đột xuất, lĩnh vực, giai đoạn, đối ngoại) hoặc trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt.

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức họp xét và bỏ phiếu kín đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước, cấp tỉnh theo quy định. Cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phải có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự; số thành viên vắng mặt phải lấy ý kiến bằng phiếu đối với các đối tượng phải bỏ phiếu kín.

c) Sau khi có kết quả xét duyệt của Hội đồng, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét cho ý kiến đối với danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp nhà nước của cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ quản lý trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh trình các cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm xác nhận thành tích khen thưởng, thẩm định hồ sơ khen thưởng

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trình khen thưởng phải xác nhận thành tích và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thành tích do mình xác nhận.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước do các cụm, khối thi đua, cơ quan, đơn vị, địa phương trình.

Điều 16. Quy định tỷ lệ kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua- Khen thưởng các cấp

Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải có kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng:

1. Đối với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương:

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; “Tập thể lao động xuất sắc”: Phải đạt ít nhất 70% số phiếu tán thành;

b) Bằng khen cấp tỉnh phải đạt ít nhất 80% số phiếu tán thành (trừ khen thưởng đột xuất, khen thưởng đối ngoại).

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại, danh hiệu vinh dự Nhà nước): Phải đạt ít nhất 90% số phiếu tán thành.

Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác không quy định tại khoản này việc bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết khi bình xét khen thưởng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét quyết định.

2. Đối với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Bằng khen cấp tỉnh (thành tích toàn diện); Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” phải đạt ít nhất 80% số phiếu tán thành.

b) Danh hiệu “Cờ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước phải đạt ít nhất 90% số phiếu tán thành.

Điều 17. Hồ sơ khen thưởng

Thành phần, số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 91/2017/ NĐ-CP của Chính phủ và bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực thi đua, khen thưởng do Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Điều 18. Tuyến trình khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước

1. Tuyến trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với các cụm, khối thi đua của tỉnh do đơn vị trưởng cụm, khối trình, các cụm, khối thi đua khác do sở ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp quản lý tổ chức trình (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

3. Đối với các tổ chức kinh tế (ngoài các đơn vị tham gia khối thi đua của tỉnh), có trụ sở chính tại các huyện, thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình.

4. Tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh liên quan đến cơ quan, đơn vị, địa phương nào thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương đó trình.

Điều 19. Hiệp y khen thưởng

1. Trước khi trình khen thưởng cho tập thể, thủ trưởng các đơn vị đóng trên địa bàn huyện, thành phố có ngành dọc ở cấp tỉnh thì trong trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến hiệp y của các cơ quan cấp tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện.

2. Khi có đề nghị hiệp y khen thưởng của các bộ, ngành Trung ương đối với các cơ quan trực thuộc đóng trên địa bàn tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chủ trì phối hợp với các ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ý kiến hiệp y.

3. Khi nhận được văn bản xin ý kiến hiệp y, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện), cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời. Sau 07 ngày làm việc nếu không có ý kiến trả lời thì được coi như đồng ý, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tiến hành các thủ tục trình khen thưởng theo quy định.

Điều 20. Thời gian thẩm định và thông báo khen thưởng cấp tỉnh, cấp nhà nước

1. Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với khen thưởng tổng kết năm trong 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm thông báo kết quả xét khen thưởng cho đơn vị trình biết.

Điều 21. Tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Nghi thức, trình tự tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 25, 26, 27, 28 Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ. Cơ quan có đối tượng

được khen thưởng phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thống nhất tổ chức trao đảm bảo trang trọng, đúng quy định.

2. Nghi thức, trình tự trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh thực hiện như trao tặng hình thức khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không trực tiếp trao tặng thì Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc cơ quan Thường trực các Ban chỉ đạo, Ban tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua chuyên đề trao tặng cho đối tượng.

Điều 22. Lưu hồ sơ

Hồ sơ khen thưởng được lưu tại cơ quan hoặc bộ phận thẩm định hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền khen thưởng. Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh, cấp nhà nước được lưu tại Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh. Thành phần hồ sơ, thời gian lưu trữ theo quy định của Luật Lưu trữ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương V

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 23. Xây dựng, quản lý, sử dụng quỹ thi đua khen thưởng các cấp

Việc lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng các cấp thực hiện theo quy định tại các Điều 64, 65, 66, 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 24. Nguyên tắc tính và mức tiền thưởng

1. Nguyên tắc, mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Mức tiền thưởng cho hộ gia đình bằng mức tiền thưởng đối với tập thể.

2. Mức chi cho mua tặng phẩm lưu niệm đối với các trường hợp khen không thưởng tiền thuộc thẩm quyền của các đơn vị, địa phương không quá 0,3 mức lương cơ sở; thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không quá 0,5 mức lương cơ sở.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản của cấp có thẩm quyền.

2. Cơ quan, bộ phận Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan, đơn vị giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết.

Điều 26. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chế độ báo cáo công tác theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền quản lý về thi đua, khen thưởng.

2. Hằng năm, các cụm, khối thi đua của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh các văn bản sau để theo dõi: Văn bản phát động thi đua; kế hoạch tổ chức phong trào thi đua và xây dựng điển hình tiên tiến; bản đăng ký thi đua với tỉnh; quy chế hoạt động và bảng chấm điểm thi đua của cụm, khối; báo cáo kết quả kiểm tra của cụm, khối; quyết định thành lập hoặc kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

Điều 27. Trách nhiệm thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tổ chức thực hiện tốt các quy định về công tác thi đua khen thưởng tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm giúp Giám đốc Sở Nội vụ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện quy định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

